

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 9 năm 2019

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	6
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	7 - 19

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và các Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh nghiệp điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222, Đường Yersin, Phường Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà MWG, Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vào Ngày 30 tháng 9 năm 2019, Công ty có bốn (4) công ty con trực tiếp, một (1) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết.

Hoạt động chủ yếu trong kỳ hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán "MWG" theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch	
Ông Trần Lê Quân	Thành viên	
Ông Điều Chính Hải Triều	Thành viên	
Ông Thomas Lanyi	Thành viên	
Ông Trần Kinh Doanh	Thành viên	
Ông Robert Willet	Thành viên	
Ông Đặng Minh Lượm	Thành viên	
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2019
Ông Đào Thế Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2019
Ông Trần Lê Quân	Thành viên	Từ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2019

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Huy Thanh Tùng	Trưởng ban
Ông Hoàng Hữu Hưng	Thành viên
Bà Đỗ Thị Loan	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2019
Ông Trần Kinh Doanh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2019
Ông Phạm Văn Trọng	Giám đốc Kỹ thuật	
Ông Vũ Đăng Linh	Giám đốc Tài chính	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 4 tháng 4 năm 2019 là Ông Nguyễn Đức Tài và từ ngày 5 tháng 4 năm 2019 đến ngày lập báo cáo này là Ông Trần Kinh Doanh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc Ngày 30 tháng 9 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào Ngày 30 tháng 9 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm công ty") cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề ngày 31 tháng 10 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Trần Kinh Doanh
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 28 tháng 10 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		630.755.713.413	224.880.562.137
110	I. Tiền	4	6.049.139.674	127.636.796.208
111	1. Tiền		6.049.139.674	127.636.796.208
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		621.818.851.678	89.193.429.541
135	1. Phải thu về cho vay ngắn hạn	5	587.800.000.000	66.600.000.000
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	6	34.018.851.678	22.593.429.541
150	III. Tài sản ngắn hạn khác		2.887.722.061	8.050.336.388
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.425.479.450	7.637.928.079
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		462.242.611	412.408.309
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		8.244.540.821.707	7.179.760.821.707
210	I. Khoản phải thu dài hạn		1.126.500.000.000	1.061.720.000.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	5	1.126.500.000.000	1.061.720.000.000
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn	7	7.118.040.821.707	6.118.040.821.707
251	1. Đầu tư vào các công ty con		7.056.002.071.707	6.056.002.071.707
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		62.038.750.000	62.038.750.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		8.875.296.535.120	7.404.641.383.844

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019

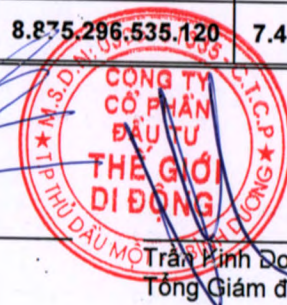
VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.624.497.499.720	1.133.344.181.084
310	I. Nợ ngắn hạn		503.495.833.062	15.747.514.423
315	1. Chi phí phải trả ngắn hạn	8	35.628.305.970	10.270.330.768
319	2. Phải trả ngắn hạn khác		3.867.527.092	527.183.655
320	3. Vay ngắn hạn	9	464.000.000.000	-
322	4. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	4.950.000.000
330	II. Nợ dài hạn		1.121.001.666.658	1.117.596.666.661
338	1. Vay dài hạn	9	1.121.001.666.658	1.117.596.666.661
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		7.250.799.035.400	6.271.297.202.760
410	I. Vốn chủ sở hữu	10.1	7.250.799.035.400	6.271.297.202.760
411	1. Vốn cổ phần		4.435.461.780.000	4.434.961.780.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.435.461.780.000	4.434.961.780.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		519.117.889.700	515.362.889.700
415	3. Cổ phiếu quỹ		(5.197.984.500)	(808.864.500)
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.301.417.350.200	1.321.781.397.560
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ trước		652.602.102.060	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		1.648.815.248.140	1.321.781.397.560
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		8.875.296.535.120	7.404.641.383.844

Lý Trần Kim Ngân
Người lập

Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính

Trần Bình Doanh
Tổng Giám đốc

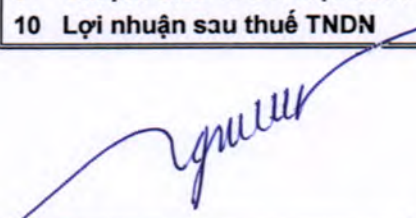


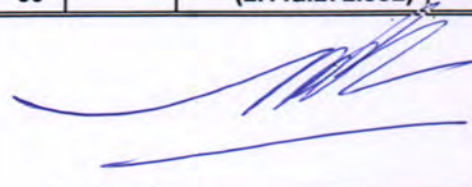
Ngày 28 tháng 10 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

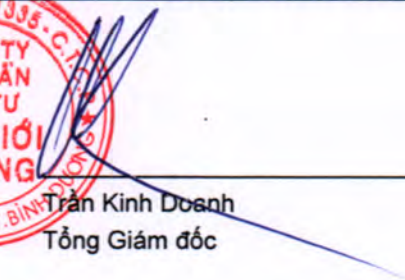
VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/9/2019		Kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30/9/2018	
			Số quý này	Số lũy kế năm nay	Số quý này năm trước	Số lũy kế năm trước
			VND	VND	VND	VND
1 Doanh thu hoạt động tài chính	21	11	35.159.657.372	1.737.274.027.933	25.405.952.456	1.540.844.334.280
2 Chi phí tài chính	22	12	(36.203.837.623)	(84.485.649.261)	(24.522.219.175)	(72.804.030.820)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(34.763.569.068)	(83.045.380.706)	(24.522.219.175)	(72.804.030.820)
3 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		(1.508.810.399)	(3.952.085.416)	(960.122.327)	(3.623.247.389)
4 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.552.990.650)	1.648.836.293.256	(76.389.046)	1.464.417.056.071
5 Thu nhập khác	31		0	150.000	0	0
6 Chi phí khác	32		(20.000.000)	(21.195.116)	0	0
7 Lỗ khác	40		(20.000.000)	(21.045.116)	0	0
8 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.572.990.650)	1.648.815.248.140	(76.389.046)	1.464.417.056.071
9 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	131	460.718.318	0	15.277.809	(3.044.081.984)
10 Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(2.112.272.332)	1.648.815.243.140	(61.111.237)	1.461.372.974.087


Lý Trần Kim Ngân
Người lập


Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính




Trần Kinh Doanh
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 10 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.648.815.248.140	1.464.417.056.071
	<i>Điều chỉnh cho khoản:</i>			
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	11	(1.737.274.027.933)	(1.540.844.334.280)
06	Chi phí lãi vay	12	83.045.380.706	72.804.030.820
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(5.413.399.087)	(3.623.247.389)
09	Giảm các khoản phải thu		4.080.566.546	11.933.036.136
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		3.016.585.190	(2.757.339.624)
12	Tăng chi phí trả trước		(8.582.465.754)	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(40.113.732.877)	(45.448.198.630)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(49.834.302)	(3.085.141.927)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(10.000.000.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(57.062.280.284)	(42.980.891.434)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi cho vay		(754.600.000.000)	(1.855.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		168.620.000.000	1.837.464.807.920
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.000.000.000.000)	(1.846.476.050.707)
27	Tiền thu lãi tiền gửi và tiền cho vay và cổ tức		1.721.768.039.250	1.533.744.423.829
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		135.788.039.250	(330.266.818.958)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	10.1	4.255.000.000	576.545.137.200
32	Mua lại cổ phiếu	10.1	(4.389.120.000)	(427.100.000)
33	Tiền thu từ đi vay		464.000.000.000	-
36	Chi trả cổ tức	10.1	(664.179.295.500)	(484.310.571.750)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(200.313.415.500)	91.807.465.450
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(121.587.656.534)	(281.440.244.942)
60	Tiền đầu kỳ		127.636.796.208	282.877.235.523
70	Tiền cuối kỳ	4	6.049.139.674	1.436.990.581

Lý Trần Kim Ngân
Người lập

Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính

Trần Kinh Doanh
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 10 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và các Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh nghiệp điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222, Đường Yersin, Phường Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà MWG, Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vào Ngày 30 tháng 9 năm 2019, Công ty có bốn (4) công ty con trực tiếp, một (1) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết.

Hoạt động chủ yếu trong kỳ hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán "MWG" theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 7.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 đề ngày 31 tháng 10 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty, và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh

3.4 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.6 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.7 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.10 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Tiền gửi ngân hàng	<u>6.049.139.674</u>	<u>127.636.796.208</u>

5. PHẢI THU CHO VAY

Phải thu cho vay thể hiện khoản cho các công ty con vay và hưởng tiền lãi theo lãi suất từ 5,5%/năm đến 8,5%/năm (Thuyết minh số 14).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 14)	33.505.785.554	15.766.964.724
Ký quỹ, ký cược	-	4.003.604.375
Phải thu ngắn hạn khác	<u>513.066.124</u>	<u>2.822.860.442</u>
TỔNG CỘNG	<u>34.018.851.678</u>	<u>22.593.429.541</u>

7. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Đầu tư vào các công ty con (Thuyết minh số 7.1)	7.056.002.071.707	6.056.002.071.707
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 7.2)	<u>62.038.750.000</u>	<u>62.038.750.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>7.118.040.821.707</u>	<u>6.118.040.821.707</u>

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

7. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

7.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng	Ngày 30 tháng 9 năm 2019			Ngày 31 tháng 12 năm 2018		
			% sở hữu	Giá gốc đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	% sở hữu	Giá gốc đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Thương mại sản phẩm điện tử	Đang hoạt động	99,95	2.027.352.771.000	-	99,95	2.027.352.771.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Thương mại thực phẩm	Đang hoạt động	99,95	3.629.712.000.000	-	99,95	2.629.712.000.000	-
Công ty Cổ phần Thế Giới Số Trần Anh	Thương mại sản phẩm điện tử	Đang hoạt động	99,33	860.937.300.707	-	99,33	860.937.300.707	-
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Công nghệ thông tin	Trước hoạt động	100	538.000.000.000	-	100,00	538.000.000.000	-
TỔNG CỘNG				7.056.002.071.707	-		6.056.002.071.707	-

7.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng	Ngày 30 tháng 9 năm 2019			Ngày 31 tháng 12 năm 2018		
			% sở hữu	Giá gốc đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	% sở hữu	Giá gốc đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)
Công ty Cổ phần Bán lẻ An Khang	Bán lẻ dược phẩm	Đang hoạt động	49,00	62.038.750.000	-	49,00	62.038.750.000	-

Công ty Cổ phần Bán lẻ An Khang ("An Khang") là một công ty cổ phần được thành lập theo GCNĐKDN số 0314587300 do Sở KH & ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 8 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh. An Khang có trụ sở đăng ký tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của An Khang trong kỳ là bán lẻ dược phẩm.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Chi phí lãi vay	34.693.569.059	8.961.835.610
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	934.736.911	1.308.495.158
Khác	-	-
TỔNG CỘNG	<u>35.628.305.970</u>	<u>10.270.330.768</u>

9. VAY

	VND			
	31 tháng 12 năm 2018	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30 tháng 09 năm 2019
Ngắn hạn	-	464.000.000.000	-	464.000.000.000
Vay ngắn hạn từ ngân hàng (<i>thuyết minh 9.1</i>)	-	464.000.000.000	-	464.000.000.000
Dài hạn	1.117.596.666.661	3.404.999.997	-	1.121.001.666.658
Trái phiếu thông thường (<i>thuyết minh 9.2</i>)	1.117.596.666.661	3.404.999.997	-	1.121.001.666.658
TỔNG CỘNG	<u>1.117.596.666.661</u>	<u>467.404.999.997</u>	-	<u>1.585.001.666.658</u>

9.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Đây là khoản vay tín chấp từ ngân hàng BNP Paribas Chi nhánh Singapore nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động với kỳ hạn gốc là một năm kể từ ngày giải ngân và sẽ tự động tái tục các năm tiếp theo đến hết thời hạn hợp đồng là 3 năm.

Lãi suất Libor 3 tháng + 2.5%/năm.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

9. VAY (tiếp theo)

9.2 Trái phiếu thường trong nước

Trái chủ	Ngày 30 tháng 9 năm 2019 VND	Lãi suất (%/năm)	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam	470.000.000.000	6,55	17 Tháng 11 năm 2022	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	450.000.000.000				
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam)	100.000.000.000				
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam	45.000.000.000				
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam	40.000.000.000				
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	30.000.000.000				
Chi phí phát hành trái phiếu	<u>(13.998.333.342)</u>				
TỔNG CỘNG	<u>1.121.001.666.658</u>				

Trái phiếu thường trong nước được thu xếp phát hành bởi Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) và được bảo lãnh bởi Credit Guarantee and Investment Facility - quỹ đầu tư tín thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á. Phí bảo lãnh là 1,5%/năm.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

10. VỐN CHỦ SỞ HỮU

10.1 Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu

	VND				
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc Ngày 30 tháng 9 năm 2018					
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	3.169.884.370.000	628.592.500	(79.164.500)	72.033.896.887	3.242.467.694.887
Cổ phiếu phát hành	61.810.840.000	514.734.297.200	-	-	576.545.137.200
Cổ phiếu quỹ	-	-	(427.100.000)	-	(427.100.000)
Cổ tức công bố	-	-	-	(484.310.571.750)	(484.310.571.750)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	1.461.372.974.087	1.461.372.974.087
Ngày 30 tháng 9 năm 2018	<u>3.231.695.210.000</u>	<u>515.362.889.700</u>	<u>(506.264.500)</u>	<u>1.049.096.299.224</u>	<u>4.795.648.134.424</u>
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc Ngày 30 tháng 9 năm 2019					
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	4.434.961.780.000	515.362.889.700	(808.864.500)	1.321.781.397.560	6.271.297.202.760
Cổ phiếu phát hành (*)	500.000.000	3.755.000.000	-	-	4.255.000.000
Trích lập quỹ	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Cổ phiếu quỹ	-	-	(4.389.120.000)	-	(4.389.120.000)
Cổ tức công bố (**)	-	-	-	(664.179.295.500)	(664.179.295.500)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	1.648.815.248.140	1.648.815.248.140
Ngày 30 tháng 9 năm 2019	<u>4.435.461.780.000</u>	<u>519.117.889.700</u>	<u>(5.197.984.500)</u>	<u>2.301.417.350.200</u>	<u>7.250.799.035.400</u>

(*) Vào ngày 4 tháng 9 năm 2019, Công ty đã nhận được Công văn số 534/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận việc phát hành mới cổ phiếu phổ thông cho cán bộ công nhân viên Công ty theo Chương trình lựa chọn sở hữu cổ phiếu của Công ty áp dụng cho các cán bộ chủ chốt. Theo đó, Công ty dự kiến phát hành 50.000 cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01_2019/NQĐHĐCĐ/TGDĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 09/2019/NQ/HĐQT-2019 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 10/NQ/HĐQT-2019 ngày 23 tháng 8 năm 2019.

(**) Trong năm, Công ty đã công bố chi trả cổ tức với giá trị là 664.179.25.500 VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty cho các cổ đông hiện hữu của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22 tháng 3 năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

10. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

10.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	<i>Số cổ phiếu</i>
Vào Ngày 31 tháng 12 năm 2018	443.496.178
Tăng trong kỳ	<u>50.000</u>
Vào Ngày 30 tháng 9 năm 2019	<u>443.546.178</u>

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

10.3 Cổ phiếu - cổ phiếu phổ thông

	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
	<i>Số cổ phiếu</i>	<i>Số cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	443.546.178	443.496.178
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	443.546.178	443.496.178
Số lượng cổ phiếu quỹ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(810.142)	(369.285)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	442.736.036	443.126.893

11. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc Ngày 30 tháng 9 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc Ngày 30 tháng 9 năm 2018</i>
Thu nhập từ cổ tức (<i>Thuyết minh số 14</i>)	1.649.085.842.314	1.449.196.646.157
Lãi tiền cho vay	88.159.477.707	91.248.609.872
Khác	<u>28.707.912</u>	<u>399.078.251</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.737.274.027.933</u>	<u>1.540.844.334.280</u>

12. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc Ngày 30 tháng 9 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc Ngày 30 tháng 9 năm 2018</i>
Chi phí lãi vay	83.045.380.706	72.804.030.820
Khác	<u>1.440.268.555</u>	<u>-</u>
TỔNG CỘNG	<u>84.485.649.261</u>	<u>72.804.030.820</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

13. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

13.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc Ngày 30 tháng 9 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc Ngày 30 tháng 9 năm 2018</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.648.815.248.140	1.464.417.056.071
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	329.763.049.628	292.883.411.215
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	4.239.023	
Thu nhập từ cổ tức	(329.817.168.463)	(289.839.329.231)
Lỗi thuế chưa ghi nhận thuế TNDN hoãn lại	49.879.812	-
Chi phí thuế TNDN	-	3.044.081.984

13.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

14. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc Ngày 30 tháng 9 năm 2019	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc Ngày 30 tháng 9 năm 2018
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con	Cổ tức	1.649.085.842.314	1.449.196.646.157
		Cho vay	295.400.000.000	1.633.000.000.000
		Lãi cho vay	87.030.488.336	89.577.622.372
		Chuyển đổi khoản cho vay thành vốn góp	-	1.000.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Công ty con	Góp vốn bằng tiền	1.000.000.000.000	563.000.000.000
		Chuyển đổi khoản cho vay thành vốn góp	-	187.000.000.000
		Cho vay	-	187.000.000.000
		Lãi cho vay	-	1.354.625.000
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Công ty con	Cho vay	65.000.000.000	-
		Lãi cho vay	1.128.981.735	277.612.500
		Góp vốn bằng tiền	-	400.000.000.000
Công ty Cổ phần Bán lẻ An Khang	Công ty liên kết	Cho vay chuyển đổi	-	35.000.000.000
		Chuyển đổi khoản cho vay thành vốn góp	-	35.000.000.000
		Lãi cho vay	-	38.750.000
Ông Robert Willet	Thành viên Hội đồng Quản trị	Chi phí tư vấn	1.749.721.675	1.605.253.511

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

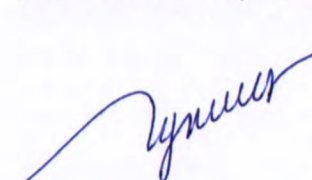
14. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)


Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:


Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 9 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Phải thu cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con	Cho vay	522.800.000.000	66.600.000.000
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Công ty con	Cho vay	65.000.000.000	-
TỔNG CỘNG			587.800.000.000	66.600.000.000
Phải thu cho vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con	Cho vay	1.126.500.000.000	1.061.720.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con	Lãi dự thu Chi hộ	27.648.116.005 4.998.291.147	12.996.550.724 2.770.414.000
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Công ty con	Cho mượn Lãi dự thu	854.423.402 4.955.000	-
TỔNG CỘNG			33.505.785.554	15.766.964.7242

15. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.


Lý Trần Kim Ngân
Người lập


Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính


Trần Kinh Doanh
Tổng Giám đốc



Ngày 28 tháng 10 năm 2019